

48. DẠY HỌC TRẺ RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ **(TEACHING STUDENTS WITH AUTISM SPECTRUM DISORDERS)**

(Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục đặc biệt. Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày ... về việc ban hành Chương trình Giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội)

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên học phần: Dạy học trẻ rối loạn phổ tự kỉ

1.2. Mã học phần: SPEC 344

1.3. Số tín chỉ: 03

1.4. Học phần tiên quyết/ học trước/ song song: Đại cương Giáo dục đặc biệt

1.5. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ và Giáo dục trẻ tự kỉ

1.6. Giảng viên giảng dạy

STT	Họ và tên	Bộ môn	Email
1	Nguyễn Nữ Tâm An	Bộ môn Giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ và Giáo dục trẻ tự kỉ	nguyennutaman@gmail.com
2	Đỗ Thị Thảo	Bộ môn Giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ và Giáo dục trẻ tự kỉ	thaodt@hnue.edu.vn
3	Nguyễn Thị Hoa	Bộ môn Giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ và Giáo dục trẻ tự kỉ	nguyenthioa2983@yahoo.com

2. HỌC LIỆU

2.1. Giáo trình

2.1.1. Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Tự kỉ – những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2013.

2.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc

2.2.1. Nguyễn Xuân Hải – Nguyễn Nữ Tâm An – Hoàng Văn Tiến (Chủ biên và các cộng sự), *Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỉ tại Việt Nam – Dành cho cán bộ và kỹ thuật viên can thiệp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019.

2.2.2. Nguyễn Xuân Hải – Nguyễn Nữ Tâm An – Hoàng Văn Tiến (Chủ biên và các cộng sự), *Hỗ trợ phục hồi chức năng cho trẻ em tự kỉ tại Việt Nam – Dành cho cha mẹ và người chăm sóc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2019.

2.2.3. Kirstin Bostelmann – Vivien Heller, *Giáo trình 1: Tăng cường và hỗ trợ việc học cho tất cả học sinh ở các trường tiểu học và chuyên biệt*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2009.

2.2.4. Kirstin Bostelmann – Vivien Heller, *Giáo trình 2: Hoạt động tự do, Tự thích nghi và tự quyết định việc học*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2009.

2.2.5. Kirstin Bostelmann – Vivien Heller, *Giáo trình 4: Dạy đọc viết cho tất cả học sinh ở trường tiểu học và chuyên biệt*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2009.

2.2.6. Linda A.Hodgdon (Hoàng Thị Kim Chi dịch), *Can thiệp uốn nắn hành vi cho trẻ tự kỉ – cải thiện giao tiếp bằng công cụ trực quan*, NXB Đại học Huế, 2019.

2.2.7. Val Cumine – Julia Leach – Gill Stevenson, *Autism in the Early*, David Fulton Publishers, 2000.

2.2.8. Nguyễn Nữ Tâm An, *Hướng dẫn chăm sóc và giáo dục trẻ tự kỉ – sách dành cho cha mẹ và giáo viên*, NXB Văn hoá thể thao, Hà Nội, 2014.

2.3. Tài liệu tham khảo tự chọn

2.3.1. Stanley I. Greenspan – Serena Wieder, *The developmental, individual – difference, relationship – based (DIR_{TM}) Model*.

2.3.2. Rogers, S. J. – & Dawson – G. *Early Start Denver Model for young children with autism: Promoting language, learning, and engagement*, Guilford Press, 2010.

2.3.3. Linda A.Hodgdon (Hoàng Thị Kim Chi dịch), *Phát triển hoàn thiện giao tiếp cho trẻ tự kỉ – Công cụ trực quan trợ thủ thiết thực*, NXB Đại học Huế, 2019.

2.3.4. John O.Cooper – Timothy E.Heron – William L.Heward, *Applied Behavior Analysis*, Pearson Education, Inc, 2017.

2.3.5. Nguyễn Nữ Tâm An (Chủ nhiệm đề tài), *Nghiên cứu ứng dụng các phương pháp trị liệu trong giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ*, Báo cáo Tổng kết đề tài khoa học cấp bộ, B2007–SPH 40, 2019.

2.3.6. Trần Văn Công – Nguyễn Nữ Tâm An, *Các lý thuyết tâm lý giải thích rối loạn phổ tự kỉ và hướng vận dụng trong can thiệp*, Tạp chí Khoa học, Volum 62 – 9AB.

2.3.7. Nguyễn Nữ Tâm An, *Các phương pháp có căn cứ khoa học trong can thiệp rối loạn phổ tự kỉ*, Tạp chí Khoa học, Volum 62 – 9AB, 2017.

2.4. Website:

- 2.4.1. <https://a365.vn/>
- 2.4.2. <https://www.aacandautism.com/>
- 2.4.3. <https://pecs.com>
- 2.4.4. <https://www.autismspeaks.org/>
- 2.4.5. <https://teacch.com/>
- 2.4.6. <https://www.centerforautism.com/>
- 2.4.7. <https://autismpdc.fpg.unc.edu/>

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT1: Phân tích được những vấn đề chung trong dạy học cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK) như yêu cầu và nguyên tắc, chương trình và môi trường. Xác định được mối liên hệ giữa dạy học và trị liệu trẻ RLPTK từ đó nắm được vai trò của giáo viên giáo dục đặc biệt trong can thiệp RLPTK cũng như cách thức phối hợp các chuyên môn khác như âm ngữ trị liệu và hoạt động trị liệu.

MT2: So sánh được các hướng tiếp cận, phương pháp dạy học trẻ RLPTK, từ đó lựa chọn được phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm và mức độ của trẻ RLPTK; Phân tích được quy trình tổ chức hoạt động dạy học cho trẻ RLPTK ở các kĩ năng cơ bản.

MT3: Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp trẻ RLPTK; Thiết kế được bài dạy phù hợp với trẻ RLPTK; Tổ chức được bài dạy học cho trẻ RLPTK với các chiến lược và phương pháp đặc thù; Đánh giá được sự tiến bộ và quá trình tham gia các hoạt động học tập của trẻ RLPTK.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

CĐR1: Yêu thương trẻ, có niềm tin vào khả năng và sự phát triển của trẻ RLPTK; Yêu nghề và tận tâm với nghề dạy học cho trẻ RLPTK; Trung thực, trách nhiệm trong quá trình dạy học cho trẻ RLPTK ở các độ tuổi khác nhau; Ý thức tự học và tự nghiên cứu suốt đời.

CĐR2: Mô tả (describe), giải thích (explain) và xác định được khả năng, nhu cầu của trẻ RLPTK và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy học cho trẻ RLPTK; Những kĩ năng, phương pháp đặc thù được sử dụng trong dạy học cho trẻ RLPTK.

CĐR 3: Vận dụng được lí thuyết về các kĩ năng, phương pháp đặc thù trong dạy học cho trẻ RLPTK vào việc thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học cho trẻ RLPTK; Thực hiện đánh giá, giám sát quá trình dạy học cho trẻ RLPTK.

CĐR 4: Sáng tạo, đánh giá (evaluate), đối chiếu (constrat), liên hệ (relate) được khả năng và nhu cầu của trẻ RLPTK trong quá trình dạy học; Xây dựng được kế hoạch giáo dục cá nhân, điều chỉnh môi trường học tập phù hợp cho trẻ RLPTK; Tổ chức có hiệu quả

các bài học phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ RLPTK; Đánh giá được sự tiến bộ trong học tập của trẻ RLPTK.

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR CTĐT

CDR CTĐT	CDR học phần			
	1	2	3	4
CDR1				
CDR2	x	x	x	x
CDR3	x	x	x	x
CDR4	x	x	x	x
CDR5	x	x	x	x
CDR6	x	x	x	x
CDR7		x	x	x
CDR8		x		x
CDR9		x	x	
CDR10		x	x	x
CDR 11				
CDR12	x	x	x	x
CDR13	x	x	x	x
CDR14	x	x	x	x
CDR15	x	x	x	x
CDR16		x		
CDR17		x	x	x
CDR18	x	x	x	x
CDR19	x	x	x	x
CDR20		x		
CDR21	x	x	x	x
CDR22	x	x	x	x
CDR23	x	x	x	x

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR học phần

	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
MT1	x	x	x	x
MT2	x	x	x	x
MT3	x	x	x	x

5. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

5.1. Nội dung học phần

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bổ thời gian			
			Số tiết			Tự học có hướng dẫn
			Lí thuyết	Bài tập	Thực hành	
Chương 1: Những vấn đề chung về dạy học trẻ rối loạn phổ tự kỉ	1 – 3	0.6	7	2	0	18
Chương 2: Phương pháp dạy trẻ rối loạn phổ tự kỉ	4 – 9	1.2	10	4	4	36
Chương 3: Dạy học các kĩ năng cơ bản cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ	10 – 15	1.2	10	4	4	36
Tổng cộng (tiết)		3.0	27	10	8	90

5.2. Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy

Chương 1: Những vấn đề chung về dạy học trẻ rối loạn phổ tự kỉ								
Mục/bài	Nội dung chính	Số giờ	Phân bổ thời gian			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)
			LT	BT	TH			
1.1	Yêu cầu và nguyên tắc trong dạy học trẻ RLPTK	2	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Vấn đáp – Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận 	Đọc tài liệu 2.1.1, 2.2.1, 2.2.6

2.1	<p>Tổng quan phương pháp dạy học trẻ RLPTK</p> <p>2.1.1. Danh mục các phương pháp có căn cứ khoa học</p> <p>2.1.2. So sánh tiếp cận hành vi – phát triển trong can thiệp RLPTK</p> <p>2.1.2. Lựa chọn phương pháp dạy học trẻ RLPTK</p> <p>2.1.4. Giới thiệu một số phương pháp dạy học phổ biến (ABA, TEACCH, DIR)</p>	4	3	1	0	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án 	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.2.1, 2.2.6, 2.2.7, 2.3.3, 2.3.5</p>
2.2	<p>Một số kỹ thuật đặc trưng trong dạy học trẻ rối loạn phổ tự kỉ</p> <p>1.4.1. Viết mục tiêu SMART</p> <p>1.4.2. Sắp xếp môi trường</p> <p>1.4.3. Sử dụng hệ thống nhắc/hỗ trợ</p>	14	7	3	4	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án 	<p>Đọc tài liệu</p> <p>2.2.1, 2.2.6, 2.2.7, 2.3.3, 2.3.5</p>

3.1	Phát triển kỹ năng học tập	3	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án 	Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5
3.2	Phát triển nhận thức và tư duy	4	2	1	1	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án 	Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5
3.3	Dạy kỹ năng tiền học đường	4	2	1	1	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án 	Đọc tài liệu 2.2.1, 2.2.3, 2.2.4, 2.2.5
3.4	Dạy kỹ năng học đường	4	2	1	1	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án 	

						– Dự án	
3.5	Dạy kỹ năng học đường chức năng	3	2	0	1	– Thuyết trình – Trình chiếu video minh họa – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án	– Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án

Bài tập: Rà soát những thay đổi của nội dung dạy đọc – viết – toán trong CT tiểu học mới năm 2018

Thực hành:

1. Thiết kế và tiến hành tiết dạy nhận thức, tư duy.
2. Thiết kế và tiến hành tiết dạy tiền học đường.
3. Thiết kế và tiến hành tiết dạy học đường.
4. Thiết kế và tiến hành tiết dạy học đường chức năng.

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần

Nội dung giảng dạy		CĐR 1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
Chương	Mục				
1	1.1	3	3	3	3
	1.2	3	3	3	3
	1.3	3	3	3	3
	1.4	3	3	3	3
2	2.1	3	3	3	3
	2.2	3	3	3	3
3	3.1	3	3	3	3
	3.2	3	3	3	3
	3.3	3	3	3	3
	3.4	3	3	3	3
	3.5	3	3	3	3

Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1) và không đóng góp: (0)

5.3. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

5.3.1. Hình thức, tỉ trọng đánh giá

Hình thức đánh giá	Tỉ trọng (%)
Đánh giá thường xuyên	20
<i>Đánh giá chuyên cần</i>	10
<i>Bài tập, tiểu luận</i>	10
Kiểm tra giữa kì	20
Kiểm tra cuối kì	60

5.3.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp KT, ĐG và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp KT, ĐG	Tỉ trọng (%)		
CDR 1	Đánh giá thường xuyên	100	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Vấn đáp – Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm
CDR 2	Đánh giá chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		
CDR 3	Đánh chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> – Thuyết trình – Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án 	<ul style="list-style-type: none"> – Phản biện – Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		
CDR 4	Đánh giá chuyên cần	10	– Thuyết trình	– Phản biện

Bài tập	10	– Vấn đáp – Thảo luận nhóm – Dự án	– Trả lời vấn đáp – Thảo luận nhóm – Thực hiện dự án
Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		

5.3.3. Tiêu chí đánh giá

➤ Yêu cầu chung đối với các bài tập

- Bài tập được trình bày viết tay hoặc đánh máy.
- Chỉ nhận bài tập đúng hạn.
- Sinh viên không nộp đúng hạn được tính 0 điểm cho bài tập đó.

➤ Kiểm tra giữa kì

- Hình thức: thi thực hành theo nhóm.
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Đề thi là câu hỏi thực hành.
- Tiêu chí đánh giá: Thực hành tổ chức hoạt động dạy học trẻ khuyết tật trí tuệ đảm bảo đúng yêu cầu: 10 điểm.

➤ Thi kết thúc học phần

- Hình thức: thi viết.
- Nội dung: Các vấn đề đã được nghiên cứu.
- Đề thi là loại câu hỏi tự luận trong thời gian 90 phút.
- Tiêu chí đánh giá: Trả lời rõ ràng sâu sắc câu hỏi tự luận: 10 điểm.

6. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HỌC PHẦN: Theo quy chế đào tạo hiện hành.

P. TRƯỞNG KHOA

(Kí, ghi rõ họ tên)



TS. ĐỖ THỊ THẢO